|  |  |
| --- | --- |
| UBND XÃ VĨNH LẠI  **TRƯỜNG TIỂU HỌC NINH HÒA**  Số: /KH-THQT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Vĩnh Lại, ngày 27 tháng 8 năm 2025* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2025 – 2026**

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/06/2021 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; Các văn bản hướng dẫn dạy học lồng ghép, tích hợp, ….. của Sở GDĐT Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3348 /QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ công văn 5954/SGDĐT-GDMN&GDTH ngày 26/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025 – 2026;

Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2024 - 2025 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2024 - 2025.

Trường Tiểu học Ninh Hòa xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 như sau:

**I. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

***1.1 Tồng quan***

Xã Vĩnh Lại là một đơn vị hành chính cấp xã mới được hình thành sau quá trình sắp xếp lại các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Hải Dương và thành phố Hải Phòng năm 2025 theo Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội. Xã Vĩnh Lại, thành phố Hải Phòng được thành lập trên cơ sở hợp nhất diện tích tự nhiên, quy mô dân số của ba xã gồm: Tân Hương, Nghĩa An và Ứng Hòe. Sau khi sáp nhập, xã Vĩnh Lại có tổng diện tích tự nhiên là 26,15 km²; tổng dân số: 38.963 người. Trụ sở làm việc được đặt tại hai vị trí: Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND, được đặt tại trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND của xã Nghĩa An cũ và trụ sở Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể được đặt tại trụ sở Đảng ủy, HĐND và UBND xã Tân Hương cũ. Việc bố trí sắp xếp trụ sở ở 2 khu vực như hiện nay để phục vụ thuận tiện cho người dân và công tác chỉ đạo điều hành sau thành lập, đồng thời tận dụng, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất hiện có của địa phương.

Xã Vĩnh Lại có những tiềm năng phát triển về mọi mặt. Đảng, chính quyền, các đoàn thể đặc biệt quan tâm đến công tác giáo dục, các hoạt động giáo dục của từng nhà trường, kịp thời đưa ra những ý kiến chỉ đạo cụ thể, thiết thực, tháo gỡ những khó khăn, bất cập của giáo dục xã nhà. Xã cũng có nhiều chính sách động viên khuyến khích nâng cao chất lượng giáo dục. Điều nay đã và đang tạo động lực cho đội ngũ GV, NV nhà trường nói riêng và các trường trên địa bàn xã Vĩnh Lại nói chung.

***1.2. Tình hình kinh tế***

Trường Tiểu học Ninh Hòa nằm trên địa bàn xã Vĩnh Lại. Xã Vĩnh Lại có nhiều lợi thế để phát triển kinh tế. Xã có nguồn lao động dồi dào, trẻ, năng động, dễ thích nghi với sự phát triển của xã hội, có khả năng tham gia vào nhiều ngành nghề; Dân số phân bố đều các khu vực trong xã thuận lợi cho tổ chức sản xuất quy mô vừa và lớn.

Kinh tế xã Vĩnh Lại phát triển đa dạng với nhiều ngành nghề, có sự kết hợp giữa kinh tế nông nghiệp truyền thống với hiện đại. Cùng với sự phát triển các ngành nghề nông nghiệp chủ lực như: Trồng lúa, hoa màu, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản nước ngọt, chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô hộ gia đình và trang trại, xã còn có cụm công nghiệp Nghĩa An, chợ đầu mối Ứng Hòe và nhiều nghề truyền thống ở Tân Hương cũ như làm bún, giò chả đạt tiêu chuẩn sản phẩm ocop 3 sao, 4 sao.

Nằm ở vị trí giao thông thuận lợi có cả đường bộ và đường thủy. Hệ thống giao thông đường bộ của xã có Quốc lộ 37 chạy dọc theo trục Bắc – Nam, đi qua cả 3 khu vực trọng tâm của xã với chiều dài hơn 3km, đồng thời có đường tỉnh 392, Đường ĐH01 của huyện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân, dễ dàng kết nối với các khu vực lân cận. Đây là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển chợ, trung tâm dịch vụ- thương mại và kết nối liên xã, thu hút các công ty, doanh nghiệp đầu tư.

Với tiềm năng, thế mạnh về kinh tế , vị trí địa lý và khát vọng vươn lên trong kỉ nguyên mới của thành phố Hải Phòng nói riêng và Nhân dân cả nước nói chung, xã Vĩnh Lại quyết tâm phấn đấu trở thành địa phương phát triển toàn diện, hài hòa, bền vững giữa đô thị và nông thôn, đáp ứng được các yêu cầu hội nhập, đổi mới trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Đây là điều kiện thuận lợi để giáo dục xã nhà được quan tâm đầu tư nhiều hơn về CSVC đáp ứng nhu cầu dạy và học của mỗi nhà trường trên địa bàn xã.

***1.3. Tình hình văn hoá – xã hội***

Xã Vĩnh Lại có nền văn hóa phong phú với nhiều di tích lịch sử và lễ hội truyền thống như di tích Đình Đỗ Xá, đình Trịnh Xuyên (được xếp hạng cấp Quốc gia); đình Cả (được xếp hạng di tích cấp tỉnh)... Các di tích này không chỉ có giá trị về mặt tôn giáo, tín ngưỡng mà còn góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của huyện nhà. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc dạy học trải nghiệm của nhà trường.

Nếp sống, văn hóa của người dân xã Vĩnh Lại có nhiều nét tương đồng dễ tạo nên sự gắn kết trong cộng đồng dân cư. Người dân Vĩnh Lại có truyền thống cần cù, chịu khó, yêu trọng việc học hành. Đảng bộ, chính quyền và nhân dân xã Vĩnh Lại luôn quan tâm, đầu tư cho giáo dục. CMHS của các nhà trường đều nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục, xu thế giáo dục hiện nay để định hướng và tạo điều kiện để con em được hưởng một nền giáo dục tiên tiến, chất lượng, phù hợp với bối cảnh gia đình, địa phương, xã hội. Nhiều gia đình học sinh có mạng Internet, máy tính các đồ dùng công nghệ số... Trình độ cộng nghệ của một số phụ huynh học sinh ngày được nâng cao, có thể hỗ trợ học sinh trong các hoạt động học tập, giáo dục, vui chơi...thuận lợi phối hợp các lực lượng cũng như triển khai học các môn liên quan đến công nghệ. Đây là nền tảng để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong tương lai.

***1.4. Sơ lược về nhà trường***

Trường Tiểu học NInh Hòa có bề dày truyền thống. Với hơn 70 năm trưởng thành và phát triển, Trường đã được công nhận là Trường chuẩn Quốc gia mức độ I lần đầu vào năm 2006; lần gần nhất (lần thứ tư) được công nhận lại vào tháng 8 năm 2024. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo ngành, lãnh đạo địa phương, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các ban ngành đoàn thể địa phương, với Hội cha mẹ HS và các lực lượng có liên quan đến giáo dục trên địa bàn xã. Chất lượng giáo dục của nhà trường luôn được duy trì và giữ vững, nhiều năm liền trường đạt Tập thể Lao động Tiên tiến.

**2. Đặc điềm tình hình nhà trường năm học 2025 - 2026.**

***2.1.Đặc điểm học sinh của trường***

Năm học 2025 - 2026, nhà trường có 217 HS. Trong đó số HS lớp Một tuyển sinh được là 43 HS/ 2 lớp, đảm bảo kế hoạch giao, huy động đủ 100% trẻ trên địa bàn xã (thuộc các thôn Đồng Hy và Đoan Xuyên) đến lớp đúng độ tuổi. Tổng số HS được biên chế vào 10 lớp.

Cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Số lớp** | **Số HS** | **Số HS nữ** | **HSKT** | **Trẻ mồ côi** | **Con hộ nghèo** | **Con hộ cận nghèo** | **Con**  **LLVT**  **(BG,Hải đảo)** | **HS lưu ban** |
| 1 | 2 | 43 | 18 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 1 |
| 2 | 2 | 45 | 19 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 3 | 2 | 37 | 16 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 |
| 4 | 2 | 51 | 18 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| 5 | 2 | 41 | 24 | 0 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
| **Cộng** | **10** | **217** | **95** | **0** | **0** | **0** | **5** | **0** | **1** |

- Số HS học 2 buổi/ngày: 217/217 HS đạt 100%

**\*Thuận lợi:**

-Về quy mô : Số lớp học không lớn, nhà trường dễ dàng tổ chức các hoạt động giáo dục.

- 100% học sinh được học 2 buổi/ngày.Đa số học sinh ngoan, tích cực học tập và rèn luyện, hăng say các hoạt động tập thể.

**\*Khó khăn:**

Kĩ năng tự phục vụ, kĩ năng giao tiếp của nhiều học sinh hạn chế, phát âm lệch chuẩn l/n, d/r/gi....vốn từ ít, nhận biết về tự nhiên còn chậm, không phong phú.

Một số em chưa có thói quen tập trung chú ý trong các hoạt động giáo dục và học tập; chưa biết chủ động thắc mắc, đặt câu hỏi để hỏi thầy cô, bạn bè …. nhiều học sinh chưa thực sự mạnh dạn tự tin trong học tập cũng như trong các hoạt động.

Có 3 học sinh thuộc hộ cận nghèo và 02 học sinh bị bỏ rơi từ khi mới sinh *(hiện nhà chùa đang cưu mang, nuôi dưỡng*); một số học sinh có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ đi làm ăn xa nên còn khó khăn trong việc kèm cặp, hướng dẫn con học ở nhà.

***2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý***

Tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: 19. Tỷ lệ giáo viên/lớp:1,5

Thông tin chi tiết:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CBGV | SL | Văn bằng | | | | Đảng viên | Đoàn viên | Độ tuổi | | | | BC | HĐ |
| Ths | ĐH | CĐ | TC | <30 | 31-40 | 41-50 | >50 |
| CBQL | 2 | 1 | 1 |  |  | 2 |  |  |  | 2 |  | 2 |  |
| GVVH | 10 |  | 10 |  |  | 8 | 4 |  | 4 | 3 | 3 | 10 | 0 |
| GVTA | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| GVTin | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |
| GVMT | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 |
| GVÂN | 1 |  | 1 |  |  | 1 | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |
| GVTD | 1 |  | 1 |  |  | 1 |  |  |  | 1 |  | 1 |  |
| NV | 3 |  | 2 |  |  | 2 | 1 |  | 1 | 1 | 1 | 2 | 1 |
| **TS** | **20** | **1** | **18** |  |  | **15** | **7** |  | **8** | **8** | **4** | **18** | **2** |

**\* Thuận lợi:**

-Trường có quy mô vừa phải (thuộc trường hạng III), đội ngũ giáo viên đủ cơ cấu, loại hình, tuổi trung bình của giáo viên khá trẻ.

- Lãnh đạo nhà trường đảm nhận vai trò lãnh đạo một cách vững vàng và tự tin. nhiệt tình, cầu tiến và chăm lo cho hoạt động và sự quá trình phát triển của nhà trường.

- Đội ngũ giáo viên có 14 đồng chí.14/14 đ/c đạt chuẩn tỉ lệ 100%.Trường có các giáo viên được đào tạo chính quy về Âm nhạc, Thể dục; Tiếng Anh nên thuận lợi cho việc bố trí dạy học các môn học này một cách chủ động và hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên nhà trường có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín với học sinh và nhân dân địa phương, nhiệt tình trong công việc và có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Nhiều đồng chí tích cực học hỏi nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn, tích cực khai thác ứng dụng công nghệ thông tin và các kĩ thuật dạy học trong dạy học trực tuyến hiệu quả.

**\* Khó khăn**

- Một số đồng chí chưa thực sự mạnh dạn trong việc đổi mới phương pháp dạy học và ứng dụng CNTT trong dạy học. Sử dụng đồ dùng dạy học hiệu quả chưa cao

- Trình độ Tin học của một số giáo viên cao tuổi còn hạn chế. Áp dụng cộng nghệ số vào giảng dạy còn khó khăn.

- Trường chưa có biên chế GV dạy môn Mĩ thuật . Hiện chỉ có GV hợp đồng theo tiết nên việc tổ chức sắp xếp TKB dồn vào các ngày đầu tuần ảnh hưởng nhiều đến việc phân công giáo viên dạy học 2 buổi/ngày.

- Việc tổ chức cho học sinh học tập cá nhân và làm việc theo nhóm, hướng dẫn các hoạt động học tập của học sinh nhằm phát triển các năng lực của cá nhân chưa được giáo viên thực hiện đồng bộ.

***2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học***

***\*Thuận lợi:***

Tổng diện tích 6421m2; trong đó sân chơi: 1200m2. Bình quân 28,16m2/1 học sinh (đảm bảo quy định).

1. Khối phòng hành chính quản trị (đủ): phòng HT, HP, Văn phòng, Bảo vệ, khu vệ sinh CBGV, NV, khu để xe CBGVNV được xây mới kiên cố, đẹp mới được nhận bàn giao đưa vào sử dụng từ cuối tháng 8/2023.

2. Khối phòng học tập (thiếu 2): 10 phòng- 10 lớp, phòng học bộ môn Âm nhạc, phòng Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng bộ môn Khoa học và công nghệ (thiếu phòng đa chức năng ghép với phòng Khoa học công nghệ, phòng học Mĩ thuật ghép với phòng Âm nhạc).

3. Khối phòng hỗ trợ học tập (thiếu 1): Thư viện, Thiết bị, Truyền thống - Đội thiếu niên (thiếu phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập ghép với phòng Y tế học đường).

4. Khối phòng phụ trợ (thiếu 2): Phòng y tế, khu để xe cho HS, khu VS cho học sinh, cổng (thiếu phòng họp, nhà kho). Tại thời điểm đầu năm học khu để xe cho học sinh bị bay mất mái do bão số 3 gây ra, chưa được sửa chữa.

5. Khu sân chơi TDTT (thiếu 1): Có sân chung, (thiếu sân tập TDTT có mái che).

6. Khối phục vụ sinh hoạt: chưa có khu bán trú (nhà ăn, phòng ngủ bán trú, nhà bếp).

7. Hạ tầng kĩ thuật đảm bảo: Hệ thống cấp nước sạch, Hệ thống cấp điện, hạ tầng CNTT, ĐT, Internet, khu gom rác.

8. Thiết bị phục vụ dạy - học: Trang thiết bị cơ bản có theo quy định. Trong đó:

+ Bàn ghế HS: 154 bộ bàn đúng tiêu chuẩn (Bàn 2 chỗ ngồi, ghế có lưng tựa)

+ Bàn ghế GV: 13 bộ

+ Bảng chống lóa: 13 cái

+ Đồ dùng dạy học (Giáo viên): 10 bộ;

+ Ti vi: 13 chiếc (trong đó có 2 chiếc bị hỏng do bão số 3 gây ra).

+ Máy tính phòng Tin học: 15 máy

+ Có đường truyền Internet tới tất cả các phòng học

Khuôn viên nhà trường được quy hoạch khá gọn gàng, có tường bao xung quanh môi trường xanh, sạch, đẹp.

- Có đủ các công trình vệ sinh cho giáo viên và học sinh.

- Toàn trường được sử dụng nước máy 100%, nước máy đã được dẫn đến từng dãy phòng học.

***\*Khó khăn:***

- Hiện tại sân trường thiếu cây bóng mát, sân bãi tập chưa sử dụng được do sân còn trũng.

- Thiết bị dạy học xuống cấp, hư hỏng; sách tham khảo đã cũ, không phù hợp với chương trình 2018

**3. Đánh giá chung**:

***3.1. Chất lượng đội ngũ***

100% GV nhà trường có đủ năng lực đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục 2018. Cụ thể:

- 100% GV dạy lớp 1, 2, 3, 4, 5 hoàn thành chương trình tập huấn do Sở GD, Phòng GD và Nhà xuất bản tổ chức; 100% GV tham gia và hoàn thiện các lớp bồi dưỡng module trên LMS do Bộ GD tổ chức.

- 100% GV đạt trình độ Chuẩn đào tạo.

- 100% GV có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp.

- Tỷ lệ GV, nhân viên biên chế đạt **100%** nên rất yên tâm công tác và tâm huyết với nghề.

- Số GV đạt chuẩn đào tạo và trên chuẩn đạt **100%.** (Đại học và trên Đại họctheo [Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020](https://luatvietnam.vn/giao-duc/thong-tu-28-2020-tt-bgddt-dieu-le-truong-tieu-hoc-190610-d1.html))

- Nhà trường có nhiều thầy cô giáo là GV dạy giỏi cấp huyện,

*Đánh giá chung:* GV nhà trường có đủ về số lượng, đủ cơ cấu; đáp ứng tốt các yêu cầu về trình độ, năng lực. 100% CBQL, GV đủ điều kiện tham gia giảng dạy.

***3.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học***

Cơ sở vật chất nhà trường cơ bản đáp ứng theo Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung họccơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ GDĐT ngày 26  tháng 5 năm 2020, đáp ứng nhu cầu học tập 2 buổi/ ngày có bán trú của HS, nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy đảm bảo mục tiêu chương trình giáo dục phổ thông 2018 của GV.

**III. Mục tiêu giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026**

1. **Mục tiêu chung:**

1.1. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; tăng cường bảo đảm an toàn trường học; thực hiện hiệu quả phân cấp quản lý gắn với trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện kế hoạch năm học theo quy định, phù hợp với thực tiễn tại địa phương.

1.2. Chú trọng đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đảm bảo 100% các phòng học, lớp học có đủ tivi, máy tính, điều hoà, đồ dùng dạy học; các phòng chức năng có đủ thiết bị theo yêu cầu. Bổ sung CSVC cho phòng Nghệ thuật (khèn, sáo, trang phục, …); trang bị thêm máy tính cho thư viện, phòng Tiếng Anh đảm bảo các tiêu chí của QĐ 4725.

1.3. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ GV, CBQL; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên GV, CBQL theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

1.4. Đẩy mạnh chuyển đổi số, đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học; thực hiện quản trị trường học dân chủ, kỷ cương, nề nếp, chất lượng và hiệu quả giáo dục trong nhà trường.

1.5. Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền; khai thác, sử dụng sách giáo khoa, các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát động, tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học.

**2. Mục tiêu cụ thể**

***2.1. Môn học và hoạt động giáo dục***

- 100% HS học 2 buổi/ ngày.

- Số lượng các môn học và hoạt động giáo dục:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Môn học và HĐGD**  **(bắt buộc)** | **Môn tự chọn** | **HĐ củng cố, tăng cường** |
| 1 | Tiếng Việt | Tiếng Anh 1, 2 | - HĐ củng cố, tăng cường TV |
| 2 | Toán | Làm quen với Tin học 1,2 | - HĐ củng cố, tăng cường Toán |
| 3 | Đạo đức |  | - HĐ củng cố, tăng cường Âm nhạc |
| 4 | TN&XH (Khoa học) |  |  |
| 5 | LS – ĐL |  |  |
| 6 | HĐTN |  |  |
| 7 | Âm nhạc |  |  |
| 8 | Mĩ thuật |  |  |
| 9 | GDTC |  |  |
| 10 | Công nghệ (Lớp 3, 4, 5) |  |  |
| 11 | Tiếng Anh (Lớp 3, 4, 5) |  |  |
| 12 | Tin học (Lớp 3, 4, 5) |  |  |

**- Chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục:**

| **Môn học và HĐGD** | **Khối 1** | | **Khối 2** | | **Khối 3** | | | **Khối 4** | | | **Khối 5** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **HT** | **CHT** | **HT** | **CHT** | **HT** | **CHT** | **HT** | | **CHT** | **HT** | | **CHT** |
| Tiếng Việt | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Toán | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Đạo đức | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| TN&XH (Khoa học) | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| HĐTN (HĐNGLL) | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Âm nhạc | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Mĩ thuật | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| GDTC | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| LS-ĐL |  |  |  |  |  |  | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Tin học | 43 |  | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Công nghệ |  |  |  |  | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |
| Ngoại ngữ (T.Anh) | 43 | 0 | 45 | 0 | 37 | 0 | 51 | | 0 | 41 | | 0 |

***2.2. Phẩm chất, năng lực:***

***2.2.1. Phẩm chất:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Mức đạt được** | | **Yêu nước** | | **Nhân ái** | | **Chăm chỉ** | | **Trung thực** | | | | **Trách nhiệm** | | | |
| **TS** | **%** | **TS** | **%** | **TS** | **%** | **TS** | | **%** | | **TS** | | **%** | |
| Khối 1 | Tốt | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Đạt | | 43 | 100 | 43 | 100 | 43 | 100 | 43 | | 100 | | 43 | | 100 | |
| CCG | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Khối 2 | Tốt | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Đạt | | 45 | 100 | 45 | 100 | 45 | 100 | 45 | | 100 | | 45 | | 100 | |
| CCG | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Khối 3 | Tốt | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Đạt | | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | | 100 | | 37 | | 100 | |
| CCG | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Khối 4 | Tốt | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Đạt | | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | | 100 | | 51 | | 100 | |
| CCG | |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |
| Khối 5 | | Tốt |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |  |
| Đạt | 41 | 100 | 41 | 100 | 41 | 100 | | 41 | | 100 | | 41 | | 100 |
| CCG |  |  |  |  |  |  | |  | |  | |  | |  |

***2.2.2. Năng lực chung:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Mức đạt được** | | **Năng lực chung** | | | | | | | |
| **Tự chủ và tự học** | | **Giao tiếp và hợp tác** | | **Giải quyết vấn đề và sáng tạo** | | | |
| **TS** | **%** | **TS** | **%** | | **TS** | | **%** |
| Khối 1 | Tốt | |  |  |  |  | |  | |  |
| Đạt | | 43 | 100 | 43 | 100 | | 43 | | 100 |
| Cần cố gắng | |  |  |  |  | |  | |  |
| Khối 2 | Tốt | |  |  |  |  | |  | |  |
| Đạt | | 45 | 100 | 45 | 100 | | 45 | | 100 |
| Cần cố gắng | |  |  |  |  | |  | |  |
| Khối 3 | Tốt | |  |  |  |  | |  | |  |
| Đạt | | 37 | 100 | 37 | 100 | | 37 | | 100 |
| Cần cố gắng | |  |  |  |  | |  | |  |
| Khối 4 | Tốt | |  |  |  |  | |  | |  |
| Đạt | | 51 | 100 | 51 | 100 | | 51 | | 100 |
| Cần cố gắng | |  |  |  |  | |  | |  |
| Khối 5 | Tốt |  | |  |  |  | |  |  | |
| Đạt | 41 | | 100 | 41 | 100 | | 41 | 100 | |
| Cần cố gắng |  | |  |  |  | |  |  | |

***2.2.3. Năng lực đặc thù:***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối** | **Mức đạt được** | **Năng lực đặc thù** | | | | | | | | | | | | | |
| **Ngôn ngữ** | | **Tính toán** | | **Khoa học** | | **Thẩm mỹ** | | **Thể chất** | | **Tin học** | | **Công nghệ** | |
| 1 | Tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt | 43 | 100 | 43 | 100 | 43 | 100 | 43 | 100 | 43 | 100 |  |  |  |  |
| CCG |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt | 45 | 100 | 45 | 100 | 45 | 100 | 45 | 100 | 45 | 100 |  |  |  |  |
| CCG |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | 100 | 37 | 100 |
| CCG |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | 100 | 51 | 100 |
| CCG |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Tốt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Đạt | 41 | 100 | 41 | 100 | 41 | 100 | 41 | 100 | 41 | 100 | 41 | 100 | 41 | 100 |
| CCG |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

***2.2.4. Danh hiệu thi đua***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| KHỐI | SĨ SỐ | HS HTCTLH | | DANH HIỆU THI ĐUA | | | |
| HSXS | | HS Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện | |
| SL | % | SL | % | SL | % |
| **1** | 43 | 43 | 100 | 15 | 30,7 | 18 | 34,6 |
| **2** | 45 | 45 | 100 | 16 | 28,3 | 18 | 34,0 |
| **3** | 37 | 37 | 100 | 12 | 27,4 | 10 | 37,3 |
| **4** | 51 | 51 | 100 | 20 | 20,7 | 19 | 32,7 |
| **5** | 41 | 41 | 100 | 14 | 20,0 | 22 | 29,3 |

***2.2.5. Chỉ tiêu các cuộc thi, giao lưu, sân chơi trí tuệ:***

***\*Đối với HS:*** Tham gia đầy đủ các hội thi do các cấp tổ chức, phấn đấu có nhiều HS đạt giải cao. Cụ thể:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên cuộc thi, giao lưu** | **Đối tượng** | **Đạt** | | |
|  |  | Xã | Tỉnh | Cấp Q Gia |
| - Giao lưu tiếng Anh qua mạng IOE | HS khối 1, 2, 3, 4, 5 | X | x | X |
| - Khuyến khích HS tham gia thi trực tuyến: Trạng nguyên Tiếng Việt; Violympic Toán; Vioedu | HS khối 3, 4, 5 |  | x | X |

***\*Đối với GV:*** Tham gia đầy đủ các hội thi do các cấp tổ chức, có GV đạt giải cấp cơ sở trở lên.

**2.3. Chỉ tiêu khác**

***2.3.1. Hoạt động ngoài giờ lên lớp***

*a.Thời gian triển khai thực hiện:*Từ tháng 9/2025 đến hết tháng 5/2026

*b. Nội dung, chương trình hoạt động ngoại khóa:*

*b.1. Nội dung xoay quanh 4 hoạt động chính:*

- Hoạt động VH - NT: Tổ chức các buổi biểu diễn văn nghệ, đọc thơ, kể chuyện; t; Triển lãm tranh tự vẽ; Tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, …

- Hoạt động vui chơi giải trí, thể dục thể thao: Hướng dẫn HS: Tổ chức các trò chơi dân gian; Đồng diễn thể dục; thi đấu thể thao: cờ vua, bóng đá, … Cụ thể:

+ Thi bóng đá mini: Lọt vào vòng 1/8 (nếu xã tổ chức)

+ Thi đấu Cờ vua: có HS đạt giải cấp TP (nếu các cấp tổ chức)

- Hoạt động thực hành khoa học: Tiếp tục triển khai dạy STEM trong một số môn học, chú trọng 2 hình thức: Bài học STEM và lồng ghép HĐTN STEM.

- Hoạt động lao động công ích; Tổ chức lao động vệ sinh làm sạch, đẹp Nghĩa trang Liệt sĩ; Quét dọn vệ sinh trục đường phía trước khuôn viên trường...

- Các hoạt động mang tính xã hội: Tổ chức ủng hộ đồng bào, HS vùng bão lụt,…; Tổ chức giao lưu với HS khuyết tật, trẻ mồ côi; Tổ chức các hoạt động từ thiện: vòng tay bè bạn, giúp nhau cùng tiến,…

*b.2. Chương trình hoạt động ngoại khóa*

*b.2.1. Các điểm dự kiến cho HS đi trải nghiệm thực tế:*

- Đình làng Đỗ Xá, Trịnh Xuyên, Đình Cả – xã Vĩnh Lại, TP Hải Phòng

- Tượng đài Bác Hồ - xã Ninh Giang, TP Hải Phòng

- Đền thờ Khúc Thừa Dụ, xã Khúc Thừa Dụ, TP Hải Phòng

- Làng nghề làm bánh gai – xã Ninh Giang, TP Hải Phòng

- Khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc, khu văn miếu Mao Điền; khu di tích Bạch Đằng Giang... thuộc Thành phố Hải Phòng

*b.2.2. Các hoạt động ngoại khóa tại trường: Phụ lục Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026*

*b.2.3. Nguyên tắc xây dựng các hoạt động ngoại khóa*

- Gắn kết các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường.

- Phấn đấu mỗi tháng tổ chức được ít nhất 1 hoạt động ngoại khóa quy mô khối, trường.

***2.3.2. An toàn, an ninh trường học***

*-* 100% CB,GV,NV và HSthực hiện tốt kế hoạch số 4483/KH-SGDĐT ngày 22/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 01/8/2025 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lại về việc thực hiện Nghị quyết số 147/NQ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ ban hành Chiến lược tổng thể quốc gia, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đế năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- 100% HS tham dự các buổi tuyên truyền, giáo dục về: Phòng chống tai nạn thương tích; các quy định về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ; ; an toàn giao thông , vệ sinh An toàn thực phẩm... để nâng cao ý thức, đề cao cảnh giác trong mỗi HS, không để tội phạm lôi kéo, lợi dụng.

- 100% HS ký cam kết không để xảy ra bạo lực học đường, không làm mất trật tự trong trường học, lớp học; không để xảy ra cháy, nổ, tai nạn nghiêm trọng; không dùng chất kích thích như thuốc lá điện tử, rượu bia; không để xảy ra mất trộm tài sản trong nhà trường.

- 100% các lớp thực hiện nghiêm túc các quy định về “Đảm bảo ATGT", xây dựng cổng trường an toàn giao thông, phân luồng xe, quy định chỗ đỗ xe, ...

***2.3.3.* *Chỉ tiêu về bán trú***

- Tỉ lệ HS ăn bán trú: Trên 15%.

- Chất lượng bữa ăn: Đảm bảo các quy định về bán trú của các công văn hướng dẫn về công tác bán trú,

***2.3.4.* *Chỉ tiêu về phổ cập***

- Huy động trẻ 6 tuổi ra lớp 1: đạt 100% (kể cả HS KT)

- Huy động trẻ khuyết tật hòa nhập (nếu có) đạt 100%

- 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học: đạt 100%

- Duy trì tỉ lệ và chất lượng kết quả phổ cập giáo dục Tiểu học mức độ 3, duy trì sĩ số 100%, toàn trường không có HS bỏ học.

**IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

Căn cứ Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và đề nghị của các Tổ chuyên môn, trường Tiểu học Ninh Hòa ban hành kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học 2025 - 2026 được thể hiện trong Phụ lục 1.1.

Các tổ chuyên môn có trách nhiệm xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, thiết kế tiến trình dạy học trong mỗi môn học với các nội dung, các chủ đề dạy học, các chủ đề tích hợp, liên môn phù hợp và theo hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực; chú trọng giáo dục đạo đức và giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật; tăng cường các hoạt động nhằm giúp HS vận dụng kiến thức liên môn vào giải quyết các vấn đề thực tiễn. Việc xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục định hướng phát triển năng lực HS của mỗi tổ phải phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của HS.

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

**2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học 2025 - 2026**

Kế hoạch cụ thể tại Phụ lục 1.2

**2.2. Tổ chức hoạt động cho HS trong thời gian bán trú tại trường và sau giờ học chính thức trong ngày**

Kế hoạch cụ thể tại Phụ lục 1.3

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026**

- Thực hiện Quyết định số 3348 /QĐ-UBND ngày 19 /8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Trường Tiểu học Quyết Thắng thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 cụ thể như sau:

| Ngày tựu trường | Ngày khai giảng | Ngày bắt đầu HK I | Ngày kết thúc HKI | Ngày bắt đầu HK II | Ngày kết thúc HK II | Kết thúc năm học |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 25/8/2025  (Khối 1)  29/8/2025  (Khối 2, 3, 4, 5) | 05/9/2025 | 08/9/2025 | 09/01/2026 | 12/01/2026 | 22/5/2026 | Trước ngày 31/5/2026 |
| (Gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). | | (Gồm 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác). | |  |

Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 30/6/2026.

Hoàn thành tuyển sinh vào lớp 1 trước ngày 31/7/2026.

- Căn cứ Thông tư 28/2020 của Bộ GD&ĐT về Điều lệ trường tiểu học, Bộ Luật lao động 2019, thời gian trường Tiểu học Quyết Thắng thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026, tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học:.Trong quá trình thực hiện kế hoạch thời gian năm học, nhà trường sẽ bố trí lịch dạy học và các hoạt động giáo dục hợp lý; bố trí dạy bù những ngày nghỉ học đảm bảo tính khoa học. *(Xem phụ lục 1.4)*

- Khung thời gian hoạt động trong ngày:

| **HOẠT ĐỘNG** | **THỜI GIAN** | |
| --- | --- | --- |
| **MÙA HÈ** | **MÙA ĐÔNG** |
| ***Sinh hoạt đầu giờ*** | 7h00 - 7h15 | 7h00 - 7h15 |
| Tiết 1 | 7h15 - 7h55 | 7h15 - 7h55 |
| Tiết 2 | 8h00 - 8h35 | 8h00 - 8h35 |
| **Ra chơi** | **8h35 - 8h55** | **8h35 - 8h55** |
| Tiết 3 | 9h00 - 9h40 | 9h00 - 9h40 |
| Tiết 4 | 9h45 - 10h20 | 9h45 - 10h20 |
| **Nghỉ trưa** | **11h00 - 13h00** | **11h00 - 13h00** |
| ***Sinh hoạt đầu giờ*** | **13h15 – 13h30** | **13h15 – 13h30** |
| Tiết 5 | 13h30 - 14h10 | 13h30 - 14h10 |
| Tiết 6 | 14h15 - 14h50 | 14h15 - 14h50 |
| **Ra chơi** | **14h50 - 15h10** | **14h50 - 15h10** |
| Tiết 7 | 15h15 - 15h55 | 15h15 - 15h55 |
| Thời gian tan học: | 15h55 | 15h55 |

\*Thời gian ra chơi: 20 phút.. Thời gian chuyển tiết: 05 phút.

Thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 – 2026 đối với từng khối lớp cụ thể như sau:

**3.1. Đối với khối lớp 1**

3.1.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuân trong năm học.  (Xem phụ lục 1.4.1)

**Tổng hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng tiết học** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếng Việt | 420 |  |
| 2 | Toán | 105 |  |
| 3 | Đạo đức | 35 |  |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | 70 |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | 70 |  |
| 6 | Âm nhạc | 35 |  |
| 7 | Mĩ thuật | 35 |  |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | 105 | Sinh hoạt dưới cờ, SH theo chủ đề, SH lớp |
| 9 | Tiếng Anh (tự chọn) | 70 |  |
| 10 | Tin học (tự chọn) | 35 |  |
| 11 | HĐ củng cố tăng cường | **140** |  |
|  | Tiếng Việt tăng | 70 |  |
|  | Toán tăng | 35 |  |
|  | Nghệ thuật (Â.N) tăng | 35 |  |
|  | Thể dục tăng | 0 |  |
| 12 | Hoạt động  GD tập thể toàn trường |  | Theo chủ điểm tháng |
| 13 | Hoạt động theo nhu cầu người học |  | Ngoài giờ học |
| 14 | Sinh hoạt chuyền môn |  | Ngoài giờ học, |
| 15 | Các ngày nghỉ trong năm | 4 ngày + nghỉ Tết | 1/1/2026, Tết Nguyên đán, 10/3 ÂL, 30/4,1/5 |
| 16 | Tồng số tiết học kỳ I | 576 |  |
| 17 | Tổng số tiết học kỳ II | 544 |  |
| **18** | **Tổng số tiết cả năm học** | **1120** |  |

3.1.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Hoạt động trải nghiệm, Tiếng Anh kèm theo)

**3.2. Đối với khối lớp 2**

3.2.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuân trong năm học. (Xem phụ lục 1.4.2)

**Tổng hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng tiết học** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếng Việt | **350** |  |
| 2 | Toán | **175** |  |
| 3 | Đạo đức | **35** |  |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | **70** |  |
| 5 | Giáo dục thể chất | **70** |  |
| 6 | Âm nhạc | **35** |  |
| 7 | Mĩ thuật | **35** |  |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | **105** | Sinh hoạt dưới cờ, SH theo chủ đề, SH lớp |
| 9 | Ngoại ngữ (Tiếng Anh tự chọn) | **70** |  |
| 10 | Tin học (tự chọn) | **35** |  |
| 11 | HĐ củng cố tăng cường | **140** |  |
|  | Tiếng Việt tăng | 70 |  |
|  | Toán tăng | 35 |  |
|  | Nghệ thuật (Â.N) tăng | 35 |  |
|  | GDTC tăng |  |  |
| 12 | HĐ GD tập thể toàn trường |  | Theo chủ điểm tháng |
| 13 | Hoạt động theo nhu cầu người học |  | Ngoài giờ học |
| 14 | Sinh hoạt chuyên môn |  | Ngoài giờ học, vào tuần chẵn |
| 15 | Các ngày nghỉ trong năm | 4 ngày + nghỉ Tết | 1/1/2026, Tết Nguyên đán, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5 |
| 16 | Tồng số tiết học kỳ I | **576** |  |
| 17 | Tổng số tiết học kỳ II | **544** |  |
| **18** | **Tổng số tiết cả năm học** | **1120** |  |

3.2.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (có phụ lục Kế hoạch dạy học  môn Tiếng Việt,  Toán, Đạo đức,  Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chât, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

**3.3. Đối với khối lớp 3**

3.3.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuân trong năm học. ( Xem phụ lục 1.4.3)

**Tổng hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng tiết học** | **Ghi chú** |
| 1 | Tiếng Việt | **245** |  |
| 2 | Toán | **175** |  |
| 3 | Đạo đức | **35** |  |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội | **70** |  |
| 5 | GDTC | **70** |  |
| 6 | Âm nhạc | **35** |  |
| 7 | Mĩ thuật | **35** |  |
| 8 | Hoạt động trải nghiệm | **105** | Sinh hoạt dưới cờ, SH theo chủ đề, SH lớp |
| 9 | Ngoại ngữ (Tiếng Anh) | **140** |  |
| 10 | Tin học | **35** |  |
| 11 | Công nghệ | **35** |  |
| 12 | HĐ củng cố tăng cường | **140** |  |
|  | Tiếng Việt tăng | 35 |  |
|  | Toán tăng | 70 |  |
|  | Nghệ thuật (Â.N) tăng | 35 |  |
|  | GDTC tăng | 0 |  |
| 13 | HĐ GD tập thể toàn trường |  | Theo chủ điểm tháng |
| 14 | HĐ theo nhu cầu người học |  | Ngoài giờ học |
| 15 | Sinh hoạt chuyên môn |  | Ngoài giờ học, |
| 16 | Các ngày nghỉ trong năm | 4 ngày + nghỉ Tết | 1/1/2026, Tết Nguyên đán, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5 |
| 17 | Tồng số tiết học kỳ I | **576** |  |
| 18 | Tổng số tiết học kỳ II | **544** |  |
| **19** | **Tổng số tiết cả năm học** | **1120** |  |

3.3.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (có phụ lục Kế hoạch dạy học  môn Tiếng Việt,  Toán, Đạo đức,  Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chât, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo.

**3.4. Đối với khối lớp 4**

3.4.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuân trong năm học. (Xem phụ lục 1.4.4)

**Tổng hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Số lượng tiết học | Chi chú |
| 1 | Tiếng Việt | **245** |  |
| 2 | Toán | **175** |  |
| 3 | Đạo đức | **35** |  |
| 4 | Khoa học | **70** |  |
| 5 | Lịch sử và Địa lý | **70** |  |
| 6 | GDTC | **70** |  |
| 7 | Âm nhạc | **35** |  |
| 8 | Mĩ thuật | **35** |  |
| 9 | Tin học | **35** |  |
| 10 | Công nghệ | **35** |  |
| 11 | Hoạt động trải nghiệm | **105** | Sinh hoạt dưới cờ, SH theo chủ đề, SH lớp |
| 12 | Ngoại ngữ (Tiếng Anh) | **140** |  |
| 13 | HĐ củng cố tăng cường | **70** |  |
|  | Tiếng Việt tăng | 35 |  |
| Toán tăng | 35 |  |
| GDTC tăng | 0 |  |
| 14 | HĐ GD tập thể toàn trường |  | Theo chủ điểm tháng |
| 15 | Hoạt động theo nhu cầu người học |  | Ngoài giờ học |
| 16 | Sinh hoạt chuyên môn |  | Ngoài giờ học, |
| 17 | Các ngày nghỉ trong năm | 4 ngày + nghỉ Tết | 1/1/2026, Tết Nguyên đán, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5 |
| 18 | Tồng số tiết học kỳ I | **576** |  |
| 19 | Tổng số tiết học kỳ II | **544** |  |
| 20 | **Tổng số tiết cả năm học** | **1120** |  |

3.4.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (có phụ lục Kế hoạch dạy học  môn Tiếng Việt,  Toán, Đạo đức,  Khoa học, Lịch sử và Địa lý,  Âm nhạc, Mĩ thuật, Kĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học- Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

**3.5.Đối với khối lớp 5**

3.5.1. Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuân trong năm học. (Xem phụ lục 1.4.5)

**Tổng hợp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Số lượng tiết học | Chi chú |
| 1 | Tiếng Việt | **245** |  |
| 2 | Toán | **175** |  |
| 3 | Đạo đức | **35** |  |
| 4 | Khoa học | **70** |  |
| 5 | Lịch sử và Địa lý | **70** |  |
| 6 | GDTC | **70** |  |
| 7 | Âm nhạc | **35** |  |
| 8 | Mĩ thuật | **35** |  |
| 9 | Tin học | **35** |  |
| 10 | Công nghệ | **35** |  |
| 11 | Hoạt động trải nghiệm | **105** | Sinh hoạt dưới cờ, SH theo chủ đề, SH lớp |
| 12 | Ngoại ngữ (Tiếng Anh) | **140** |  |
| 13 | HĐ củng cố tăng cường | **70** |  |
|  | Tiếng Việt tăng | 35 |  |
| Toán tăng | 35 |  |
|  |  |  |
| 14 | HĐ GD tập thể toàn trường |  | Theo chủ điểm tháng |
| 15 | Hoạt động theo nhu cầu người học |  | Ngoài giờ học |
| 16 | Sinh hoạt chuyên môn |  | Ngoài giờ học, |
| 17 | Các ngày nghỉ trong năm | 4 ngày + nghỉ Tết | 1/1/2026, Tết Nguyên đán, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5 |
| 18 | Tồng số tiết học kỳ I | **576** |  |
| 19 | Tổng số tiết học kỳ II | **544** |  |
| 20 | **Tổng số tiết cả năm học** | **1120** |  |

3.5.2. Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (có phụ lục Kế hoạch dạy học  môn Tiếng Việt,  Toán, Đạo đức,  Khoa học, Lịch sử và Địa lý,  Âm nhạc, Mĩ thuật, Kĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học và Hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo)

**V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Thực hiện, phát huy hiệu quả nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua**

Thực hiện hiệu quả chủ đề năm học *“Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới không ngừng, nâng cao chất lượng”* bằng những hoạt động cụ thể:

- Trong năm học 2025-2026, phấn đấu xây dựng được ít nhất 01 tổ chuyên môn và 01 giáo viên tiêu biểu trong phong trào thi đua *“Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”* của ngành Giáo dục giai đoạn 2025- 2030. BGH kết hợp công đoàn xây dựng các tiêu chí thi đua để đánh giá phong trào thi đua *“Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”* của ngành Giáo dục giai đoạn 2025-2030. Dự kiến các tiêu chí đánh giá như sau:

Tiêu chí 1. Tiêu chí về đổi mới và sáng tạo trong quản lý

- Cải tiến quy trình quản lý giáo dục: Cá nhân có sáng kiến cải tiến quy trình quản lý, giảm bớt thủ tục hành chính, tăng cường hiệu quả công việc và tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên, học sinh.

- Ứng dụng công nghệ thông tin: Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý giáo dục, như triển khai hệ thống quản lý học sinh, phần mềm quản lý đào tạo, và sử dụng công nghệ trong điều hành.

- Xây dựng môi trường học tập thân thiện: Tạo ra môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, bình đẳng, trong đó mọi thành viên đều có cơ hội phát triển bản thân.

Tiêu chí 2. Tiêu chí về đổi mới và sáng tạo trong giảng dạy

- Phát triển phương pháp giảng dạy sáng tạo: Áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, sáng tạo, phát huy tính tích cực, chủ động của học sinh trong học tập, như học qua thực hành, hay ứng dụng các công cụ học tập trực tuyến.

- Đa dạng hóa nội dung giảng dạy: Khả năng thiết kế, tổ chức các hoạt động học tập linh hoạt, phù hợp với nhiều đối tượng học sinh, chú trọng phát triển năng lực cá nhân và năng lực làm việc nhóm.

- Nâng cao chất lượng giảng dạy: Đo lường qua kết quả học tập của học sinh, phản hồi từ phụ huynh, và sự tiến bộ trong kỹ năng của học sinh sau khi áp dụng các phương pháp giảng dạy mới.

Tiêu chí 3. Tiêu chí về đổi mới và sáng tạo trong học tập

- Khuyến khích tự học và học tập suốt đời: Xây dựng và thực hiện các chương trình khuyến khích học sinh tự học, phát triển thói quen học tập suốt đời, sử dụng các nguồn tài liệu học tập mở và trực tuyến.

- Phát triển kỹ năng mềm: Học sinh được rèn luyện và phát triển các kỹ năng mềm như giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, và giải quyết vấn đề thông qua các hoạt động ngoại khóa và trải nghiệm sáng tạo.

Tiêu chí 4. Tiêu chí về kết quả đạt được và sự lan tỏa của phong trào

- Tỷ lệ đạt chuẩn và vượt chuẩn: Tỷ lệ giáo viên và học sinh đạt và vượt chuẩn về chất lượng giảng dạy và học tập theo quy định của ngành giáo dục.

- Đóng góp vào cộng đồng: Sự tham gia tích cực của giáo viên và học sinh trong các hoạt động cộng đồng, chia sẻ tri thức, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn.

- Lan tỏa phong trào: Mức độ lan tỏa của phong trào thi đua thông qua các hoạt động, sáng kiến được nhân rộng và áp dụng thành công trong phạm vi nhà trường và ở một số đơn vị khác.

Tiêu chí 5. Tiêu chí về khen thưởng và công nhận

- Số lượng sáng kiến được công nhận: Số lượng sáng kiến, đề tài đổi mới trong quản lý, giảng dạy và học tập được công nhận và áp dụng thực tiễn.

- Kết quả khen thưởng: Số lượng được công nhận, khen thưởng bởi các cấp quản lý giáo dục từ cấp trường đến cấp huyện.

Các tiêu chí trên nhằm đánh giá toàn diện và chính xác các hoạt động đổi mới, sáng tạo trong ngành giáo dục, đồng thời khuyến khích các cá nhân tiếp tục phấn đấu và đóng góp vào sự phát triển bền vững của giáo dục trong giai đoạn 2025-2030.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức HCM bằng những việc làm cụ thể trong công tác quản lí, trong các hoạt động dạy - học. Đa dạng hóa hình thức thể hiện một cách gần gũi như sân khấu hóa, tổ chức phát thanh măng non... để dễ truyền tải tới HS tấm gương đạo đức HCM.

- Tiếp tục thực hiện sáng tạo các nội dung của phong trào thi đua *“Xây dựng trường học thân thiện, HS tích cực”*

**2. Xây dựng, thực hiện kế hoạch giáo dục linh hoạt**

***2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường***

Chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học, phù hợp với địa phương, bảo đảm thực hiện Chương trình GDPT linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện thực hiện của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thời gian năm học của thành phố Hải Phòng và các chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo TP Hải Phòng, UBND xã Vĩnh Lại; tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học tự chọn; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với HS; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của xã Vĩnh Lại, nhà trường và đối tượng HS, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình. Các yêu cầu trên phải được thể hiện rõ trong Kế hoạch dạy học các môn học của tổ và của cá nhân. Riêng cột *Điều chỉnh nội dung* trong Kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD cần thể hiện rõ các địa chỉ tích hợp, lồng ghép, bổ sung.

Tích cực tạo môi trường cho HS được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong chương trình các môn học, hoạt động giáo dục vào thực tiễn thông qua việc dạy học tích hợp liên môn, chủ đề, STEM, Ứng dụng công nghệ AI trong dạy học...

Tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi GV nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa; đặc điểm xã Vĩnh Lại; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có và đặc điểm đối tượng HS nhà trường. Trên cơ sở đó, mỗi GV , Tổ chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp ***đặc biệt đối với những môn có sự thay đổi về địa giới hành chính do thực hiện chính quyền địa phương hai cấp*** ; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá linh hoạt bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất. Điều này phải được thể hiện rõ trong Kế hoạch dạy học các môn học và HĐGD

***2.2. Thực hiện linh hoạt chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục***

*2.2.1. Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch giáo dục trong thời gian có biến cố bất thường (nếu có)*

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về các biện pháp phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, … bảo đảm an toàn và hoàn thành chương trình. Cụ thể:

*-* Hạn chế đến mức thấp nhất việc thay đổi, cắt xén, dồn ép cơ học kế hoạch giáo dục của nhà trường nhằm đảm bảo đúng yêu cầu cần đạt của chương trình 2018. 100% HS phải được học các môn học/ HĐGD cốt lõi. Các môn học tăng cường bảo đảm sự linh hoạt, chủ động, hiệu quả, đáp ứng đầy đủ nhiệm vụ và thực hiện linh hoạt khung thời gian năm học đã ban hành.

- Kế hoạch dạy học các khối lớp linh hoạt, sử dụng linh hoạt các hình thức học tập khác: học trên truyền hình, trên các kênh giáo dục, … đảm bảo đáp ứng được yêu cầu cần đạt của chương trình hiện tại.

- Hình thức tổ chức dạy học trực tuyến linh hoạt, phù hợp với tâm sinh  lý lứa tuổi đối với HS lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Trong quá trình tổ chức thực hiện, GV trong nhà trường cần quan tâm đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm, học liệu dạy học trực tuyến; cha mẹ HS được thông báo lịch học, hướng dẫn sử dụng và chuẩn bị các điều kiện để sẵn sàng phối hợp cùng GV hỗ trợ cho HS trong quá trình học trực tuyến tại nhà; thời khóa biểu phải được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các môn học, phân bổ hợp lý về thời lượng dạy học trong tiết học/buổi học, thời điểm tổ chức học trong ngày và trong tuần phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS, không gây áp lực đối với HS; ưu tiên dạy học môn Tiếng Việt, môn Toán, TN-XH (Khoa học), … đảm bảo giúp HS hình thành các kỹ năng cơ bản cần thiết ban đầu, lựa chọn các nội dung dạy học phù hợp với hình thức dạy trực tuyến; thực hiện sắp xếp các chủ đề học tập, sử dụng kho học liệu điện tử kèm theo các bộ sách giáo khoa để xác định các nội dung có thể tổ chức dạy học trực tuyến. Việc sử dụng các ứng dụng trong dạy học trực tuyến do Nhà trường quy định, đảm bảo thống nhất chung nhà trường, đảm bảo công tác lưu trữ.

- GV các khối lớp tiếp tục chủ động xây dựng kho bài giảng dùng chung cho các môn học để tạo điều kiện cho HS học tập ở nhà.

- Số tiết dạy/tuần:

| **TT** | **Môn học và hoạt động giáo dục** | **Khối lớp 1** | **Khối lớp 2** | **Khối lớp 3** | **Khối lớp 4** | **Khối lớp 5** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Môn học/HĐGD bắt buộc** | | **25** | **25** | **28** | **30** | **30** |
| 1 | Tiếng Việt | 12 | 10 | 7 | 7 | 7 |
| 2 | Toán | 3 | 5 | 5 | 5 | 5 |
| 3 | Đạo đức | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 4 | Tự nhiên và Xã hội (Khoa học) | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 5 | Nghệ thuật (Âm nhạc) | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 6 | Nghệ thuật (Mĩ thuật) | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |
| 7 | Giáo dục thể chất | 2 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| 8 | Lịch sử - Địa lí |  |  |  | 2 | 2 |
| 9 | Hoạt động trải nghiệm | 3 | 3 | 3 | 3 | 3 |
| 10 | Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh) |  |  | 4 | 4 | 4 |
| 11 | Tin học và Công nghệ |  |  | 2 | 2 | 2 |
| **II. Môn học/HĐGD tự chọn** | |  |  |  |  |  |
| 1 | TA | 2 | 2 |  |  |  |
| 2 | Tin học | 1 | 1 |  |  |  |
| **III. Môn học/HĐGD tăng cường** | |  |  |  |  |  |
| 1 | Toán\* | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 |
| 2 | Tiếng Việt \* | 2 | 2 | 1 | 1 | 1 |
| 3 | Nghệ thuật (AN)\* | 1 | 1 | 1 | 0 | 0 |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

*2.2.2. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục trong điều kiện bình thường*

Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục linh hoạt, phù hợp thực tế. Cụ thể:

Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với 5 khối lớp theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT, Sở GDĐT ban hành. Trong đó, tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

- Xây kế hoạch giáo dục nhà trường, tổ chức dạy học các môn học theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 7/6/2021 và các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được Bộ GDĐT ban hành; Công văn 4567/BGD ĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026 và các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học của Sở GDĐT, Phòng VH-XH. Việc xây dựng kế hoạch dạy học môn học và hoạt động giáo dục được sắp xếp hài hòa, đảm bảo thời lượng theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế trên cơ sở bảo đảm mục tiêu, nội dung đáp ứng yêu cầu cần đạt theo quy định. Tích hợp các nội dung: quyền con người, Giáo dục địa phương, ANQP, giáo dục Stem, .... linh hoạt, hợp lí, tự nhiên, tránh gò bò, khiên cưỡng.

- Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học tự chọn theo qui định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức các hoạt động củng cố để HS tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (100% HS học 2 buổi/ ngày; 9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học văn hóa, kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bố hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình ; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học, các hoạt động củng cố tăng cường và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; thời khóa biểu được sắp xếp đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học theo đúng tinh thần Công văn 4567/BGD ĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026.

- Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung giáo dục tích hợp, lồng ghép: giáo dục địa phương, STEM...

- Tập trung thực hiện kiểm tra nắm bắt những khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối các khối lớp đặc biệt là lớp 5 (năm thứ hai thực hiện chương trình GDPT 20218); tổ chức chuyên đề, Hội thảo đối với GV nhằm tháo gỡ vướng mắc trong chuyên môn; tiếp tục bổ sung sách giáo khoa, tài liệu tham khảo cho các khối lớp theo quy định tại các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

- Số tiết dạy/tuần: *Phụ lục 1.1*

**3. Nâng cao chất lượng dạy học các môn Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học**

*3.1. Tổ chức dạy học các môn Ngoại Ngữ 1*

*- Đối với lớp 1 và lớp 2*: Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn ở lớp 1 (1 tiết/tuần), lớp 2 (2 tiết/tuần), sử dụng Bộ SGK Global ; thực hiện kiểm tra đánh giá đúng TT27, chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập, không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp, xét danh hiệu thi đua.

*- Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5*: Thực hiện theo quy định của Bộ GD: 4 tiết/ tuần, sử dụng Bộ SGK i-Leam Smart Start đối với lớp 3,4; Bộ sáchGlobal của Bộ GD đối với lớp 5.

*3.2. Dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục môn tin học*

- Tổ chức dạy Tin học bắt buộc 1 tiết/tuần ở khối lớp 3, 4, 5. Tổ chức dạy học hiệu quả các nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Tổ chức dạy học tự chọn Tin học đối với khối lớp 1,2 với thời lượng 1 tiết/tuần.

- Tổ chức tập huấn, xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ GDĐT, của Sở GD-ĐT

**4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018**

Thực hiện đúng theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021, công văn 4931/SGDĐT-GDTrH ngày 24/7/2025 của Sở GDĐT thành phố Hải Phòng; công văn số 97/UBND-VHXH ngày 25/7/2025 của UBND xã Vĩnh Lại về việc tăng cường công tác thực hiện chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026.

- Phối hợp với Ban quản lí các di lịch lịch sử trong xã, huyện; các công trình văn hoá... để tổ chức cho HS được tham gia học tập trải nghiệm.

**5. Thực hiện giáo dục STEM**

Tổ chuyên môn rà soát, đánh giá hiệu quả các bài học STEM.

Lập kế hoạch dạy STEM. Khai thác hiệu quả nguồn học liệu tại địa chỉ website https://stemtieuhoc.edu.vn và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định[[1]](#footnote-1).

Tăng cường tham mưu UBND xã quan tâm bố trí nguồn kinh phí, trang bị cơ sở vật chất để bảo đảm thực hiện hiệu quả giáo dục STEM; thực hiện hiệu quả công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên, cha mẹ học sinh, học sinh về vai trò của giáo dục STEM.

**6. Tổ chức các hoạt động tập thể, hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa**

- Tổ chức nội dung sinh hoạt dưới cờ bám sát nội dung chuyên đề tỉnh tháng 2 năm 2024, chuyên đề của nhà trường. Đảm bảo nội dung phong phú, mang tính giáo dục theo chủ điểm, rèn HS mạnh dạn, tự tin, ....

- Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện, hoạt động văn nghệ, TDTT, giáo dục truyền thống thông qua các ngày lễ lớn trong năm.

**-** Thực hiện tốt công tác phối hợp đoàn thể trong và ngoài nhà trường hỗ trợ công tác giáo dục và tổ chức các hoạt động ngoại khóa

- Chỉ đạo các đoàn thể trong nhà trường làm tốt công tác phối hợp với GV chủ nhiệm trong việc tổ chức các hoạt động tập thể, giáo dục HS.

(Xem Phụ lục 1.2)

**7. Chỉ đạo dạy và học 2 buổi/ngày; tổ chức bán trú; giáo dục bơi**

*7.1. Chỉ đạo tổ chức thực hiện dạy và học 2 buổi/ngày*

Thực hiên nghiêm túc Công văn 4567/BGD ĐT-GDPT ngày 05/8/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025 – 2026. Nhà trường xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày, 9 buổi/ tuần đảm bảo yêu cầu: linh hoạt, phù hợp thực tiễn nhà trường.

Thời khóa biểu được sắp xếp một cách khoa học, đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học.

Triển khai tổ chức các hoạt động tập thể ngoài giờ chính khóa đảm bảo các nội dung quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGDĐT ngày 28/02/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

Tập trung hình thành cho HS năng lực tự học thông qua các tiết tăng, tiết học thư viện. Tạo cơ hội cho HS được tham gia các môn học/ hoạt động giáo dục tự chọn, tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, CLB, hoạt động ngoại khóa dưới sự hướng dẫn của GV.

*7.2. Tổ chức bán trú cho HS*

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc công tác bán trú tại trường theo chỉ đạo của cấp trên

- Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của HS, cha mẹ HS và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lý cấp trên. Việc tổ chức các hoạt động bán trú tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, ; tổ chức ăn trưa, bán trú bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho HS.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức bán trú đảm bảo an toàn, hiệu quả.

*7.3. Giáo dục bơi cho HS tiểu học*

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án “Giáo dục bơi cho HS tiểu học”. Tích cực tuyên truyền và phối hợp chặt chẽ với CMHS để tăng cường dạy thực hành bơi cho HS, nhất là với HS lớp 3, 4, 5.

- Phấn đấu 100% HS lớp 3, 4, 5 được giáo dục bơi, trong đó có 70% HS biết bơi trong thời gian học tại nhà trường.

**8. Thực hiện đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá HS Tiểu học**

*8.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

Thực hiện linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống; dạy học tích hợp các nội dung giáo dục linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp, bám sát Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 của nhà trường.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai hiệu quả phương pháp dạy học, kĩ thuật dạy học, kiểm tra, đánh giá, thiết bị dạy học, học liệu, nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh trong quá trình dạy học; tránh việc áp dụng hình thức, khuôn mẫu trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy và thực hiện tiến trình dạy học mỗi bài học thành các hoạt động học với sản phẩm học tập cụ thể mà học sinh phải hoàn thành; cách thức thực hiện linh hoạt để tổ chức dạy học phát huy tính tự học, chủ động, sáng tạo của học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GDĐT, các tiết dạy chuyên đề, các tiết dạy được đánh giá xuất sắc, sáng tạo trong Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh, cấp cơ sở để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học , bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quá trình dạy học và quản trị nhà trường,

*8.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá*

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ.

- Đối với đánh giá định kì (các môn học có bài kiểm tra định kỳ): GiaoTổ chuyên môn họp, chỉ đạo phân công GV ra đề (gồm ma trận đề, nội dung đề và đáp án) . Các GV trong tổ căn cứ vào sự phân công của Tổ CM, xây dựng ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ nộp về Tổ trưởng CM và BGH và với trước ngày kiểm tra chính thức ít nhất 2 tuần. CBQL, Tổ trưởng CM phụ trách tổ, dựa trên ma trận, ngân hàng đề (đề GV giới thiệu) để xây dựng đề kiểm tra chính thức.

- Đối với đánh giá thường xuyên: Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

Tiếp tục tổ chức tập huấn, hướng dẫn các giáo viên nhất là đối với giáo viên dạy lớp 5 về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07/10/2022.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lí kết quả giáo dục và học tập của HS để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho GV quan tâm đến HS và đổi mới phương pháp dạy học:

+ Với cán bộ quản lý: Sử dụng phần mềm CSDN ngành để quản lý kết quả học tập của HS; phần mềm phổ cập giáo dục; phần mềm quản lý cán bộ, viên chức.

+ Với GV: Sử dụng phầm mềm cosodulieuhaiphong, cosodulieu ngành để theo dõi chuyên cần, sức khỏe, nhập đánh giá thường xuyên, định kỳ kết quả học tập của HS.

**9. Bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục**

*9.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục thông qua công tác bồi dưỡng thường xuyên*

**-** Chú trọng bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, năng lực cho đội ngũ CBQL và GV về quan điểm, nội dung đổi mới giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 29/NQ-TW.

- Tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng CBQL, GV theo chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học, trên cơ sở đó xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực.

- Tập trung bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý và GV về nội dung, quan điểm đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo của cấp học; có nhận thức đúng đắn về việc triển khai áp dụng một số nội dung, mô hình, phương pháp dạy học mới; đặc biệt chú trọng bồi dưỡng năng lực CNTT, đảm bảo 100% GV, NV nhà trường đủ NL công nghệ trong thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của nhà trường. *(Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên năm học 2025 - 2026).*

**-** Tiếp tục tổ chức hiệu quả sinh hoạt chuyên môn tại các tổ, khối chuyên môn; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

- Tăng cường công tác Bồi dưỡng đội ngũ thông qua việc tham dự các chuyên đề cấp huyện, cấp cụm và tổ chức các chuyên đề tại trường. Tổ chức đánh giá công tác Bồi dưỡng đối với cán bộ, GV, nhân viên trong nhà trường

- 100% cán bộ quản lý và GV ruy cập vào tài khoản đã được Viettel cung cấp để học tập nghiên cứu theo yêu cầu bồi dưỡng của từng module trên hệ thống: “***taphuan.csdl.edu.vn.”***

- GV tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy; tích cực nghiên cứu khoa học, áp dụng sáng kiến trong công tác giảng dạy và giáo dục.

*11.2. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục thông qua tổ chức các chuyên đề và sinh hoạt tổ chuyên môn*

- Tập trung chỉ đạo việc sinh hoạt chuyên môn trong trường. Hình thức sinh hoạt chuyên môn có thể trực tiếp hoặc trực tuyến tùy theo điều kiện cụ thể. Nội dung sinh hoạt chuyên môn chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; tổ chức thực hiện chương trình sách giáo khoa lớp 1, 2, 3, 4, 5. Đổi mới hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học theo hướng dẫn tại Công văn số 239 /PGDĐT-GDTH ngày 5 tháng 6 năm 2020 về việc bồi dưỡng GV và sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình-GDPT 2018 cấp Tiểu học.

- Nhà trường triển khai kế hoạch thực hiện chuyên đề tới tổ chuyên môn. Tăng cường tổ chức các chuyên đề về dạy - học các môn học, đặc biệt là các chuyên đề dạy học cho khối lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Mỗi tổ chuyên môn dự kiến đăng kí thực hiện ít nhất 01 chuyên đề cấp trường, 02 chuyên đề cấp tổ.

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, GV về vai trò và vị trí của công nghệ thông tin trong công tác quản lý và dạy học; nâng cao trình độ tin học cho GV. Tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng, tự bồi dưỡng.

- Thực hiện đúng quy định về việc sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn, đảm bảo chất lượng; đổi mới nội dung và hình thức SHCM theo nghiên cứu bài học thông qua hoạt động dự giờ, phân tích hoạt động học tập của HS, nghiên cứu bài học , kiểm tra đánh giá hiệu quả giảng dạy của GV. Động viên GV nhiệt tình tham gia đề xuất ý kiến trong SHCM. Tổ chuyên môn sinh hoạt 2 lần/tháng. Sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn bảo đảm thực chất, hiệu quả, đi sâu vào các vấn đề mới, khó tập trung bàn thảo các giải pháp để thực hiện có hiệu quả cao. Ban giám hiệu thường xuyên dự sinh hoạt tổ chuyên môn để nắm bắt tình hình cũng như chỉ đạo cụ thể để nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn.

- Dịp 20/11, mỗi GV đăng ký 01 tiết thao giảng lồng ghép dự thi GV dạy giỏi cấp trường, ứng dụng CNTT, đổi mới phương pháp dạy học, đánh giá HS.

- Mỗi GV dự giờ tối thiểu 18 tiết/năm học, tổ trưởng chuyên môn dự tối thiểu 36 tiết/năm học để trao đổi chuyên môn, nâng cao năng lực sư phạm (Đối với học trực tiếp, 2 buổi/ ngày).

*9.3. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục thông qua tổ chức các Hội thi GV dạy giỏi*

Thực hiện chỉ đạo theo tinh thần dạy đủ môn và ở các khối lớp theo đúng tinh thần TT 22/TT-BGDĐT, ngày 20/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về Hội thi GV dạy giỏi cơ sở giáo dục mầm non; GV dạy giỏi, GV chủ nhiệm lớp giỏi cơ sở giáo dục phổ thông.

Tổ chức trên nguyên tắc:

- GV tự nguyện tham gia; không ép buộc, không tạo áp lực cho GV tham gia Hội thi; đảm bảo tính trung thực, dân chủ, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan và đảm bảo thực chất.

- Đảm bảo đúng quy định của chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của Ngành.

- Tiến hành tổ chức thi GV dạy giỏi cấp trường lồng ghép thao giảng trong tháng 10 và tháng 11/2025.

- Lấy kết quả thi GV dạy giỏi cấp trường là một trong các tiêu chí chọn cử GV dự thi GV giỏi các cấp.

*9.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn*

- Thực hiện đúng quy định về sinh họat tổ nhóm chuyên môn, đảm bảo chất lượng. Tiếp tục tổ chức tốt các chuyên đề về dạy- học các môn học để rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện chương trình, Sách giáo khoa, chuẩn Kiến thức-Kĩ năng, thực hiện điều chỉnh mới.

- Đề xuất với Ban giám hiệu để tổ chức các chuyên đề phục vụ cho tổ chuyên môn. Chú trọng vào việc đổi mới phương pháp dạy học và chú ý đến việc dạy chuẩn KT-KN môn học, dạy theo hướng phát triển năng lực HS. Đề xuất các trang thiết bị dạy học cần thiết cho Ban giám hiệu có kế hoạch mua sắm, GV tự làm thêm đồ dùng dạy học. Chú trọng việc sử dụng đồ dùng dạy học triệt để và có hiệu quả, ứng dụng các phương tiện dạy học hiện đại, công nghệ thông tin có hiệu quả vào bài giảng, tránh dạy chay. Khuyến khích sử dụng các phần mềm dạy học, thiết bị điện tử phục vụ dạy và học.

- Tổ chức và triển khai có hiệu quả các chuyên đề trong tổ chuyên môn. Các chuyên đề đều phải lên kế hoạch từ đầu năm và báo ngày dạy cho Ban giám hiệu trước một tuần.

- Thực hiện đúng quy định về sinh hoạt tổ nhóm chuyên môn:

+ Nội dung các buổi sinh hoạt tìm cách tháo gỡ những điểm mắc trong chuyên môn, dự giờ học hỏi lẫn nhau, giúp đỡ GV mới, GV còn hạn chế.

+ Đảm bảo chất lượng nội dung của buổi sinh hoạt chuyên môn: Thống nhất chương trình, thời khóa biểu tất cả các buổi học, trao đổi các bài khó dạy để đi đến thống nhất trong toàn khối, thực hiện các chuyên đề, kiểm tra bài soạn, vở sạch chữ đẹp, thảo luận các chuyên san, cách sử dụng đồ dùng dạy học...

- Tổ chức triển khai các chuyên đề sau khi đã được tham dự của Phòng GDĐT. Cách tổ chức chuyên đề theo tinh thần “dạy thực-học thực”, tránh nặng về hình thức.

- Tổ chức kiểm tra hồ sơ chuyên môn theo quy định; rút kinh nghiệm sau mỗi đợt kiểm tra.

- Phát huy vai trò tích cực, chủ động sáng tạo của tổ trưởng chuyên môn. Tổ trưởng có vai trò điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động của tổ sao cho đạt được hiệu quả và chất lượng tốt.

**10. Nâng cao hiệu quả hoạt động thư viện góp phần nâng cao chất lượng dạy, học**

Thực hiện Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT, trong năm học 2025 – 2026, nhà trường duy trì và giữ vững thư viện đạt mức độ 2. Tiếp tục triển khai thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung Thông tư quy định liên quan đến công tác thư viện tới toàn thể CB, GV, HS nhằm nâng cao nhận thức của các thành viên nhà trường, HS và CMHS về ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách, chung tây xây dựng hệ thống thư viện trường. Cụ thể:

- Nhà trường xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, bổ sung sách báo, học liệu cho thư viện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thư viện.

- Tổ chức các hoạt động thư viện sáng tạo, hiệu quả nhằm duy trì và phát triển văn hóa đọc trong nhà trường.

-Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp thư viện điện tử của nhà trường. Bổ sung kho học liệu số phục vụ dạy học tại thư viện điện tử nhà trường, tích hợp tài liệu điện tử và trang web học tập vào bộ sưu tập thư viện.

- Quy định cụ thể nội dung hoạt động thư viện:

+ Hoạt động tiết đọc tại thư viện bảo đảm tối thiểu 02 tiết/học kỳ/lớp, nội dung bám sát chương trình học và Phụ lục 1.2 của nhà trường.

+ Bảo đảm tỷ lệ 100% GV và tối thiểu 80% HS toàn trường đọc sách tại thư viện và mượn sách về nhà hằng năm.

+ Sắp xếp bố cục thư viện một cách hợp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và đọc sách. Sắp xếp sách theo chủ đề hoặc đề mục để giúp HS dễ dàng tìm kiếm thông tin.

**11. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu**

*a) Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

Chủ động tham mưu với các cấp lãnh đạo và cơ quan chức năng để cân đối, bố trí ngân sách phù hợp đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện mua sắm thiết bị dạy học, bảo đảm có đủ thiết bị đồ dùng dạy học tối thiểu đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng dạy học hiện có; vào đầu năm học yêu cầu cán bộ TBĐD nhà trường công khai danh mục, thiết bị đồ dùng dạy học hiện có của nhà trường, chỉ đạo tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch sử dụng thiết bị dạy học trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học.

Duy trì thư viện điện tử. Giữ vững thư viện mức độ 2 theo TT 16/TT-B GD ĐT. Triển khai hiệu quả các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện, xây dựng và phát triển văn hóa đọc trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực HS; xây dựng và phát triển tủ sách dùng chung để lưu trữ sách giáo khoa sử dụng lâu dài.

*b) Xây dựng kho học liệu số - Phát triển kho học liệu bài giảng minh hoạ, học liệu điện tử*

Phát triển kho video bài dạy minh họa, kho học liệu điện tử trên cơ sở lựa chọn, sưu tầm những vi deo bài giảng các môn học, hoạt động giáo dục có chất lượng; những vi deo bài giảng đạt giải cao trong Hôi thi GV dạy giỏi các cấp.. để giúp GV tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng khi dịch bệnh diễn biến tiêu cực thông qua hình thức tổ chức dạy học dạy học trực tuyến đảm bảo yêu cầu cần đạt của chương trình, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, kỹ năng của GV, khả năng tiếp thu, lĩnh hội và đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của HS.

**12. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

Tiếp tục thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” ban hành theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 phù hợp với kế hoạch, đề án triển khai thực hiện tại nhà trường. Cụ thể:

- Tăng cường các điều kiện đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo như: Đầu tư máy tính, Ti vi, bảng tương tác, …

- Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức; đào tạo, bồi dưỡng năng lực số cho đội ngũ GV, NV nhà trường.

- Sử dụng học bạ điện tử thay thế học bạ thông thường.

- Thực hiện báo cáo, cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, đào tạo và trên phần mềm phổ cập giáo dục, xoá mù chữ đúng tiến độ quy định. Khai thác sử dụng hiệu quả dữ liệu cơ sở dữ liệu ngành phục vụ công tác điều hành, quản lý.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kế hoạch giáo dục nhà trường, đội ngũ CB, GV, HS. Thực hiện quản lý hồ sơ điện tử thay thế hồ sơ giấy bảo đảm tinh gọn và hiệu quả.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kiểm tra, đánh giá HS.

**13. Đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục tiểu học**

Thành lập Ban truyền thông nhà trường, sử dụng hiệu quả hình thức truyền thông qua Facebook nhà trường, zalo các nhóm lớp, … cập nhật tin tức kịp thời, nội dung, hình thức phong phú, đa dạng, phù hợp, hấp dẫn đến HS, CMHS.

Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

Tích cực tham mưu, cung cấp thông tin cho đại biểu Hội đồng nhân dân tại địa phương để có nhận thức tích cực, đúng đắn, ủng hộ sự nghiệp giáo dục

Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lý các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lý thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung,  giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện thực hiện nhiệm vụ giáo dục trong bối cảnh có dịch bệnh xảy ra để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Tiếp tục tăng cường truyền thông nội bộ, bảo đảm các chủ trương đổi mới, các quy định của Ngành đến được từng cán bộ, GV, người lao động trong các cấp quản lý và cơ sở giáo dục; tổ chức tập huấn cho cán bộ chuyên trách truyền thông nhằm nâng cao kỹ năng phát ngôn và cung cấp thông tin về giáo dục.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục viết bài và đưa tin về các hoạt động của Ngành việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học…. để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

**VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Hiệu trưởng**

Chỉ đạo Phó Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.

Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với các lớp từ lớp 1 đến lớp 5

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**2. Phó Hiệu trưởng**

Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Chỉ đạo xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Cùng hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với tất cả các lớp (từ lớp 1 đến lớp 5). Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình của giáo viên.

Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác.có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

Tổ chức kiểm tra các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

**3. Tổ trường chuyên môn**

- Xây dựng kế hoạch triển khai các hoạt động chuyên môn của tổ.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề, theo nghiên cứu bài học, về đổi mới phương pháp day học, áp dụng kĩ thuật dạy học tích cực, ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong dạy học, lựa chọn nội dung dạy học,những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1,2,3,4,5

- Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

- Tham gia tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm và các hoạt động giáo dục khác.

**4. GV chủ nhiệm**

- Thực hiện tốt công tác chủ nhiệm và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; KH bài dạy, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại HS.

- Chủ động nắm bắt thông tin từng HS của lớp được phân công làm công tác chủ nhiệm; xây dựng các hoạt động giáo dục của lớp thể hiện rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục đảm bảo tính khả thi, phù hợp với đặc điểm HS, với hoàn cảnh và điều kiện thực tế nhằm thúc đẩy sự tiến bộ của cả lớp và của từng HS.

- Phối hợp chặt chẽ với CMHS hoặc người giám hộ, GV, tổng phụ trách Đội, các tổ chức xã hội có liên quan để tổ chức các hoạt động giáo dục và hỗ trợ, giám sát việc học tập, rèn luyện của HS lớp mình chủ nhiệm; tổng hợp nhận xét, đánh giá HS cuối kỳ I và cuối năm học; hướng dẫn HS bình bầu và đề nghị khen thưởng; lập danh sách HS đề nghị ở lại lớp; hoàn chỉnh việc ghi học bạ cho HS.

- Báo cáo thường kì hoặc đột xuất về tình hình của lớp với ban giám hiệu.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước HS, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của HS; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của HS; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong đó có ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giảng dạy.Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

**5. GV phụ trách môn học**

- Nghiên cứu kỹ chương trình GDPT 2018 và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn.

- Thực hiện tốt công tác và giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; KH bài dạy, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại HS.

- Kết hợp cùng GV chủ nhiệm tham gia quản lí HS trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

- Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước HS, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của HS; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của HS; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

- Học tập, rèn luyện để nâng cao sức khỏe, trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đổi mới phương pháp, ứng dụng công nghệ thông tin trong đó có ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong giảng dạy giảng dạy. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

**6. Tổng phụ trách đội**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

- Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

- Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường.

- Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh

-Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm khi được phân công.

**7. Nhân viên thư viện, thiết bị**

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo CT GDPT 2018

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

- Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 của Trường Tiểu học Ninh Hòa. Đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo để  lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***  - Phòng VH-XH (*để b/c*);  - Hội đồng trường ( để b/c)  - CB, GV nhà trường (*để t/h*);  - Lưu: VT | **HIỆU TRƯỞNG**  **Trần Thị Hường** |

1. [↑](#footnote-ref-1)